Catalogue Số. W-02-09V
Phát hành tháng 10 năm 2025

Catalog đầy đủ các thiết bị môi trường

ĐỀ XUẤT CHO VIỆC TẠO RA MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THOẢI MÁI

Dustresa

Thu gom bụi thải ra từ thiết bị sản xuất



TRANG 9-10

MISTRESA

Thu gom bụi dầu phát sinh từ máy công cụ



TRANG 2-8

Ventiresa

Hệ thống thông gió loại hút đẩy.

TRANG 13

Windracer

Thổi gió đi xa và cải thiện tình trạng nhiệt độ không đều.

TRANG 13

Khác

Grindresa

Thu gom sương mù và bụi cho máy mài, máy đánh bóng.



TRANG 5

Workresa

Máy gom bụi có gắn bàn làm việc



Thổi khí





TRANG 11

Fumeresa



Thu gom khối từ quá trình khắc laser

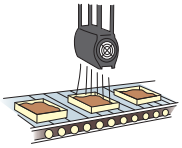


Thu gom khối phát sinh khi hàn

TRANG 12

WINDBAG™







Ứng dụng linh hoạt để thông gió, làm mát, sấy khô

TRANG 13

CHỌN MẪU MÁY PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU

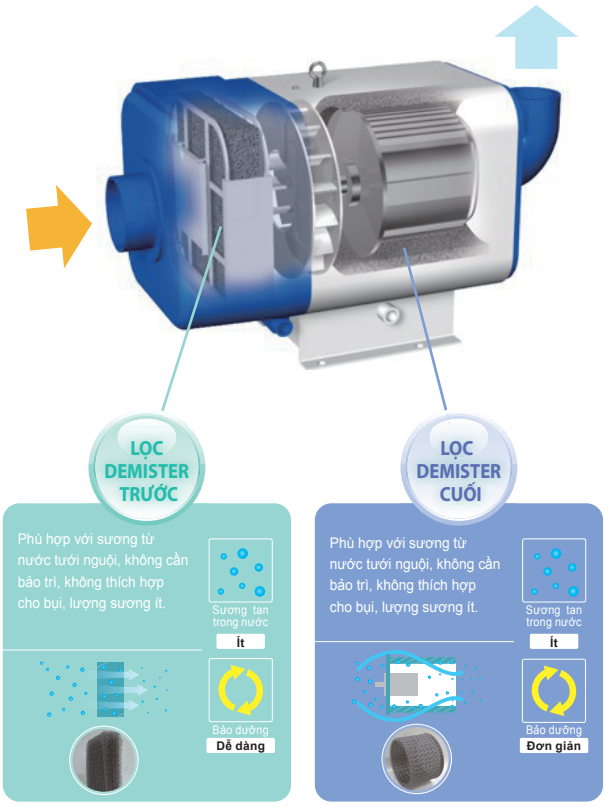
CRM - H04 F

1. Dòng sản phẩm: CRM (tiêu chuẩn), CRMH (dùng cho sương nhiệt độ cao (tối đa 80℃)
2. Công suất: H02 (0.2kW), H04 (0.4kW), H07 (0.75kW), H15 (1.5kW), H22 (2.2kW)
3. Cấu tạo bên trong: F (dùng Filter), D (dùng demister)

Dùng nước tưới nguội

Loại D (loại Demister)

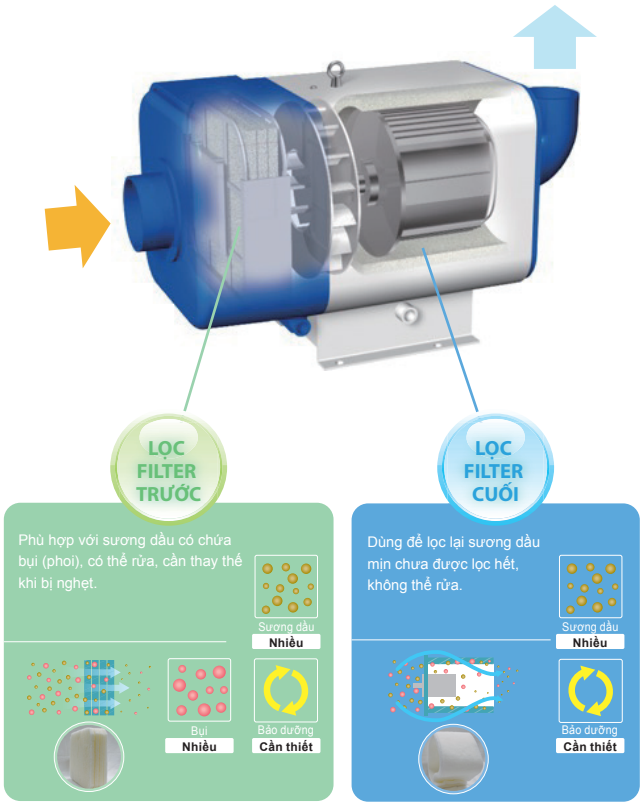
Ví dụ: CRM-H□□D



Dùng dầu tưới nguội

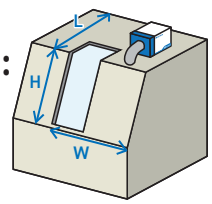
Loại F (loại Filter)

Ví dụ: CRM-H□□F



CHỌN MÁY THEO THỂ TÍCH BUỒNG GIA CÔNG

Nếu sương dầu nằm trong buồng gia công:



Thể tích buồng gia công (m^3)
= W × L × H

Lưu lượng gió (m^3/min)
= Thể tích buồng gia công × Hệ số kiểm tra[*1]

W : Chiều rộng buồng gia công (m)
L : Chiều dài buồng gia công (m)
H : Chiều cao buồng gia công (m)

Chi tiết tại đây
https://www.sdg-eng.com

[*1] Hệ số kiểm tra
Nếu sau khi gia công đợi cửa mở ít nhất 15 giây : 4
Nếu sau khi gia công đợi cửa mở ít nhất 10 giây : 6
Nếu sau khi gia công đợi cửa mở trong vòng 10 giây : 8

Hãy liên hệ với chúng tôi khi sương dầu không nằm trong buồng gia công.



Có thể lựa chọn Filter (loại F) hoặc Demister (loại D) phù hợp với môi trường sử dụng của khách hàng.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mã máy CRM-H□□□		Công suất (kW)	Nguồn điện	Tần số (Hz) Dòng điện (A)	50Hz		60Hz		Hiệu suất thu gom (%)	Nhiệt độ không khí hút vào tối đa (°C)	Độ ồn (dB(A)) 50/60Hz	Khối lượng (kg)
					Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Áp suất tối đa (kPa)	Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Áp suất tối đa (kPa)				
CRM-H02	D	0.2	*Ba pha 50Hz: 200V 60Hz: 200V/ 220V	50/60/60 1.6/1.3/1.3	5.4	0.55	6.2	0.8	99.2	50	64/67	27
	F				4.3	0.5	5.1	0.7	99.8		57/62	
CRM-H04	D	0.4		50/60/60 2.0/2.0/2.0	6	0.75	7	1.1	99.2		68/72	33
	F				4.6	0.7	5.6	1	99.8		63/67	
CRM-H07	D	0.75		50/60/60 3.0/3.3/3.3	10	1.1	12	1.6	99.2		73/78	43
	F				7.6	1.05	9.2	1.5	99.8		69/76	
CRM-H15	D	1.5		50/60/60 6.9/7.0/7.0	18	1.6	21.5	2.3	99.2		81/83	67
	F				14.5	1.5	17.5	2.15	99.8		74/77	
CRM-H22	D	2.2		50/60/60 10.2/10.4/10.4	24.5	1.7	28.5	2.4	99.2		83/86	78
	F				18	1.55	21	2.25	99.8		76/79	

* Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

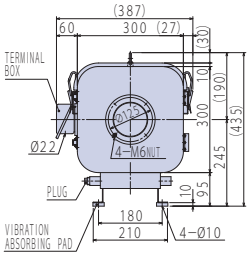
DANH SÁCH BỘ PHẬN TIÊU HAO

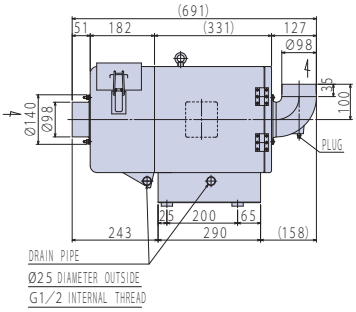
Mã máy Mistresa	Tên linh kiện	Mã linh kiện
CRM-H02D CRM-H04D	Lọc Demister trước	3KFD-H04S
	Lọc Demister cuối	3KED-H04D
CRM-H07D	Lọc Demister trước	3KFD-H07S
	Lọc Demister cuối	3KED-H07D
CRM-H15D	Lọc Demister trước	3KFD-H15S
	Lọc Demister cuối	3KED-H15D
CRM-H22D	Lọc Demister trước	3KFD-H22S
	Lọc Demister cuối	3KED-H22D

Mã máy Mistresa	Tên linh kiện	Mã linh kiện
CRM-H02F CRM-H04F	Lọc Filter trước	3KFF-H04S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H04F
CRM-H07F	Lọc Filter trước	3KFF-H07S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H07F
CRM-H15F	Lọc Filter trước	3KFF-H15S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H15F
CRM-H22F	Lọc Filter trước	3KFF-H22S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H22F

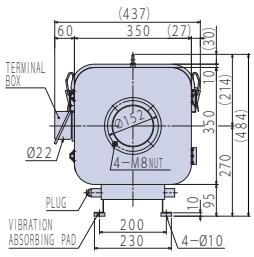
BẢN VẼ KÍCH THƯỚC

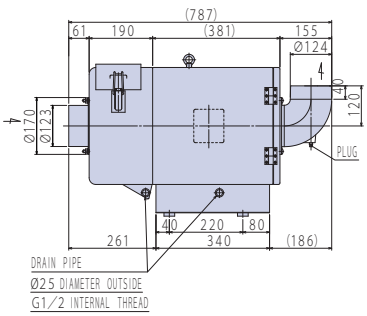
CRM-H02□
CRM-H04□



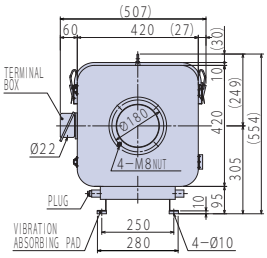


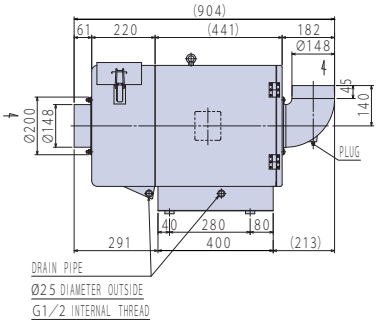
CRM-H07□



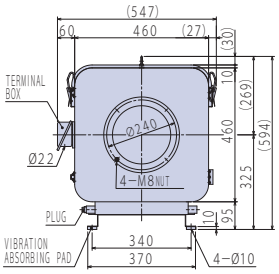


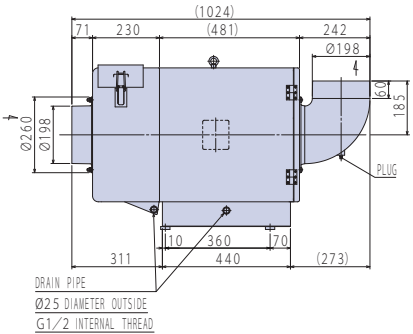
CRM-H15□





CRM-H22□







Có thể lựa chọn Filter (loại F) hoặc Demister (loại D) phù hợp với môi trường sử dụng của khách hàng.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mã máy CRMH-H□□□		Công suất (kW)	Nguồn điện	Tần số (Hz) Dòng điện (A)	50Hz		60Hz		Hiệu suất thu gom (%)	Nhiệt độ không khí hút vào tối đa (°C)	Độ ồn (dB(A)) 50/60Hz	Khối lượng (kg)
					Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Áp suất tối đa (kPa)	Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Áp suất tối đa (kPa)				
CRMH-H04	D	0.4	*Ba pha 50Hz: 200V 60Hz: 200V/ 220V	50/60/60 2.0/2.0/2.0	6	0.75	7	1.1	99.2	80	68/72	33
	F				4.6	0.7	5.6	1	99.8		63/67	
CRMH-H07	D	0.75		50/60/60 3.0/3.3/3.3	10	1.1	12	1.6	99.2		73/78	43
	F				7.6	1.05	9.2	1.5	99.8		69/76	
CRMH-H15	D	1.5		50/60/60 6.9/7.0/7.0	18	1.6	21.5	2.3	99.2		81/83	67
	F				14.5	1.5	17.5	2.15	99.8		74/77	
CRMH-H22	D	2.2		50/60/60 10.2/10.4/10.4	24.5	1.7	28.5	2.4	99.2		83/86	78
	F				18	1.55	21	2.25	99.8		76/79	

* Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

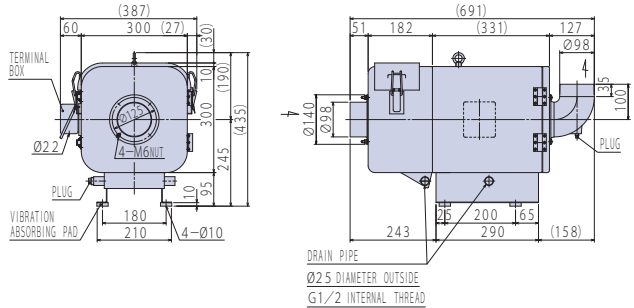
DANH SÁCH BỘ PHẬN TIÊU HAO

Mã máy Mistresa	Tên linh kiện	Mã linh kiện
CRMH-H04D	Lọc Demister trước	3KFD-H04S
	Lọc Demister cuối	3KED-H04D
CRMH-H07D	Lọc Demister trước	3KFD-H07S
	Lọc Demister cuối	3KED-H07D
CRMH-H15D	Lọc Demister trước	3KFD-H15S
	Lọc Demister cuối	3KED-H15D
CRMH-H22D	Lọc Demister trước	3KFD-H22S
	Lọc Demister cuối	3KED-H22D

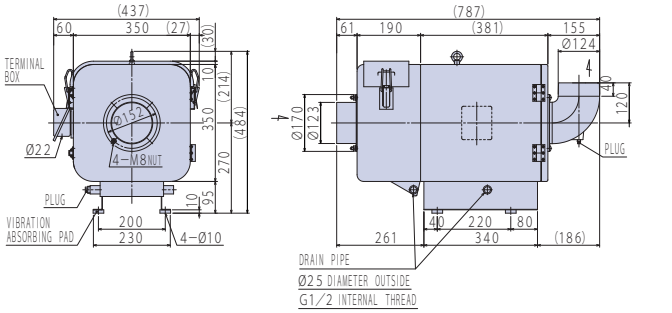
Mã máy Mistresa	Tên linh kiện	Mã linh kiện
CRMH-H04F	Lọc Filter trước	3KFF-H04S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H04F
CRMH-H07F	Lọc Filter trước	3KFF-H07S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H07F
CRMH-H15F	Lọc Filter trước	3KFF-H15S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H15F
CRMH-H22F	Lọc Filter trước	3KFF-H22S
	Lọc Filter cuối	3KEF-H22F

BẢN VẼ KÍCH THƯỚC

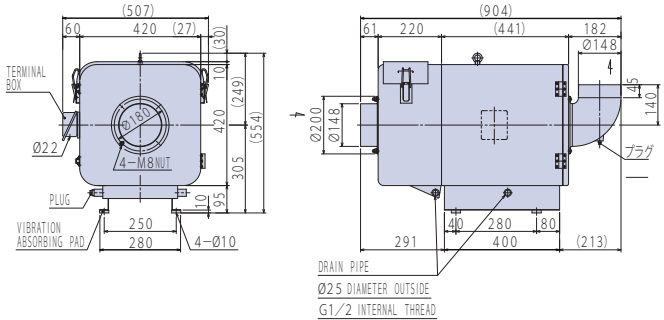
CRMH-H04□



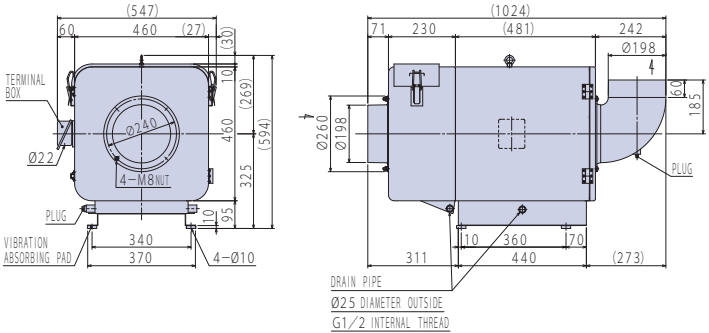
CRMH-H07□



CRMH-H15□



CRMH-H22□

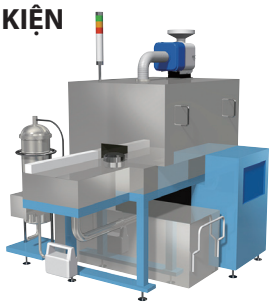


MISTRESA CRH ĐỘNG CƠ ĐIỆN PHÒNG CHÁY NỔ



Chứng nhận phòng cháy nổ của Nhật Bản.

MÁY VỆ SINH LINH KIỆN



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mẫu	Công suất (kW)	Nguồn điện	Tần số (Hz) Dòng điện (A)	50Hz		60Hz		Hiệu suất thu gom (%)	Nhiệt độ không khí hút vào tối đa (°C)	Độ ồn (dB(A)) 50/60Hz	Khối lượng (kg)
				Lưu lượng gió tối đa (m3/min)	Áp suất tối đa (kPa)	Lưu lượng gió tối đa (m3/min)	Áp suất tối đa (kPa)				
CRH-100E	0.2	Ba pha 50Hz 200V 60Hz 200V/220V	50/60/60 1.2/1.1/1.0	2.1	0.3	2.4	0.42	99.4	80	56/60	13
CRH-200E	0.2		50/60/60 1.2/1.1/1.0	2.7	0.5	3.2	0.73	99.4	80	59/63	20
CRH-04E	0.4		50/60/60 2.0/1.8/1.7	4.8	0.82	5.7	1.18	99.4	80	58/64	26
CRH-07E	0.75		50/60/60 3.3/3.1/2.8	7.6	1.05	9.2	1.48	99.4	80	63/66	37
CRH-15E	1.5		50/60/60 6.2/5.8/5.4	13.6	1.47	16	2.08	99.4	80	68/72	57

Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

DANH SÁCH BỘ PHẬN TIÊU HAO

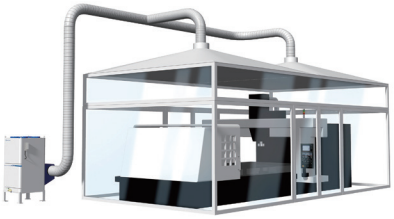
Mã máy Mistresa	Tên linh kiện	Mã linh kiện
CRH-100E	Bộ lọc sơ cấp	3K1-170A
	Bộ lọc thứ cấp	3K2-130B
	Bộ lọc cấp ba	3K3-715A
	Lọc Filter cuối	3K4-180A
CRH-200E	Bộ lọc sơ cấp	3K1-170A
	Bộ lọc thứ cấp	3K2-133A
	Bộ lọc cấp ba	3K3-270A
	Lọc Filter cuối	3K4-240A

Mã máy Mistresa	Tên linh kiện	Mã linh kiện
CRH-04E	Bộ lọc sơ cấp và thứ cấp	3K12-300R
	Lọc Filter cuối	3K4-240A
CRH-07E	Bộ lọc sơ cấp và thứ cấp	3K12-350R
	Lọc Filter cuối	3K4-315A
CRH-15E	Bộ lọc sơ cấp và thứ cấp	3K12-420R
	Lọc Filter cuối	3K4-400A

MISTRESA CRL THỂ TÍCH GIÓ LỚN



MÁY GIA CÔNG TRUNG TÂM



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

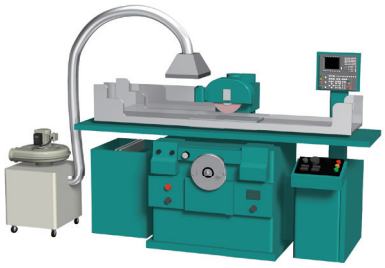
Mẫu	Công suất (kW)	Nguồn điện	Tần số (Hz) Dòng điện (A)	50Hz		60Hz		Hiệu suất thu gom (%)	Nhiệt độ không khí hút vào tối đa (°C)	Độ ồn (dB(A)) 50/60Hz	Khối lượng (kg)
				Lưu lượng gió tối đa (m3/min)	Áp suất tối đa (kPa)	Lưu lượng gió tối đa (m3/min)	Áp suất tối đa (kPa)				
CRL-H22	2.2	Ba pha 50Hz 200V 60Hz 200V/220V	50/60/60 8.5/9.2/8.4	30	1.8	30	1.8	98	40	69	174

Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

Grindresa GRM MÁY THU GOM BỤI, SƯƠNG DẦU CHO MÁY MÀI.

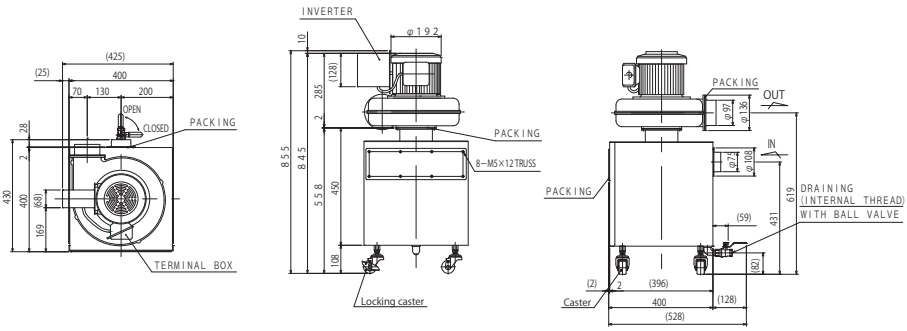


MÁY MÀI



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

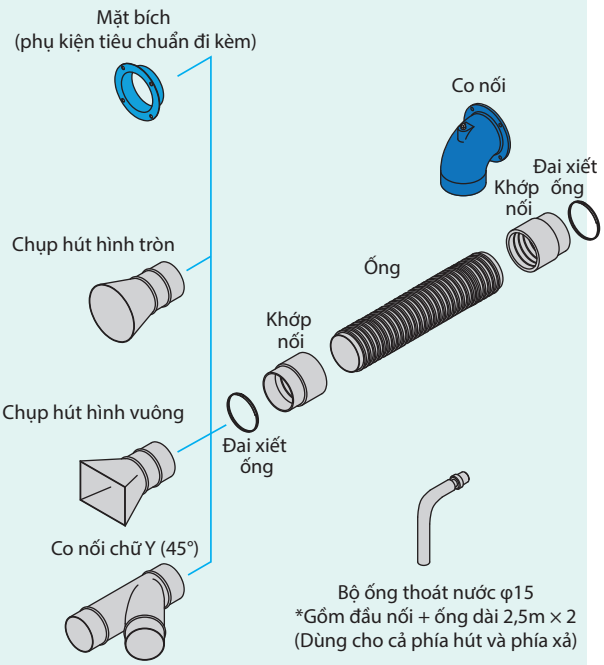
Mẫu	Đường kính miệng hút (mm)	Nguồn điện	Poles (P)	Công suất (kW)	Dòng điện (A)	50Hz		60Hz		Nhiệt độ không khí hút vào tối đa (°C)	Tiếng ồn (dB (A))	Dung lượng bụi (L)	Trọng lượng (kg)
						Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Áp suất tối đa (kPa)	Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Áp suất tối đa (kPa)				
GRM-H04T	ϕ75	3 Pha	2	0.4	2.3/2.3/2.1	8.3	1.25	9.8	1.75	40	71	11.8	37



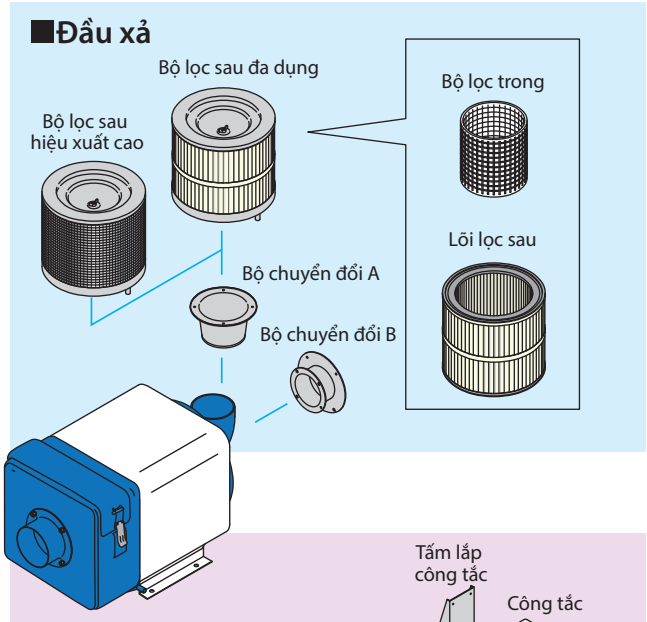
PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN

Chi tiết tại đây

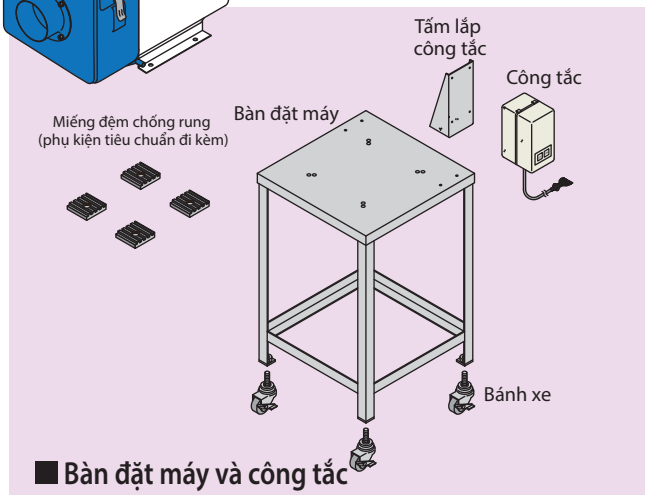
■Đầu hút



■Đầu xả

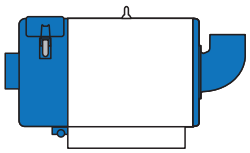


■Bàn đặt máy và công tắc

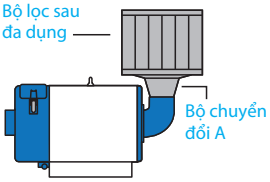


KẾT HỢP HIỆU QUẢ VỚI CÁC BỘ LỌC SAU VÀ PHỤ KIỆN KHÁC

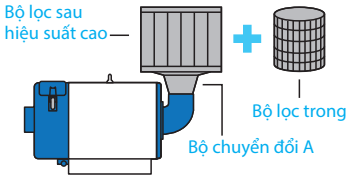
1 Khi sử dụng theo tiêu chuẩn



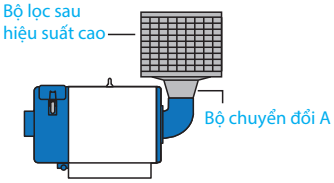
2 Khi có nhiều sương nước hoặc dầu tưới nguội



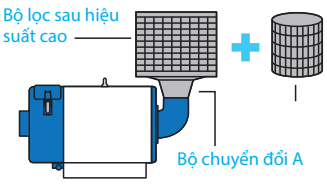
3 Trường hợp có nhiều nước hoặc dầu tưới nguội hơn mức **2** và bị rò rỉ ra ngoài từ bộ lọc sau.



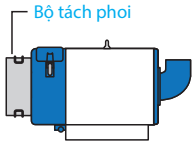
4 Trường hợp có khói dầu phát sinh



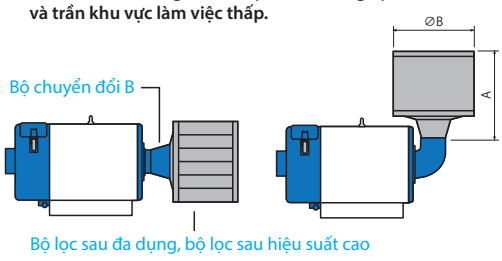
5 Trường hợp có nhiều khói dầu phát sinh



6 Trường hợp có nhiều bụi hoặc phoi cắt.



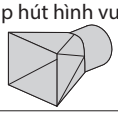
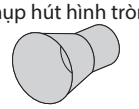
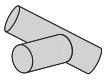
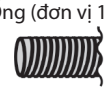
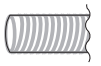
7 Khi có nhiều sương nước hoặc dầu tưới nguội và trần khu vực làm việc thấp.



※ Khi lắp bộ lọc sau, chúng tôi khuyến nghị sử dụng loại máy thu sương dùng lõi lọc (CRM-F).

Mẫu	3AF-10A/E	3AF-20A/E	3AF-30A	3AF-30E	3AF-40E	3AF-41E
A	345	475	635	610	515	625
ØB	360	360	360	360	400	400

BẢNG PHỤ KIỆN ("●" là ký hiệu phù hợp với máy)

Tên linh kiện	Mô tả công dụng	Mã số linh kiện	Mã linh kiện	CRM·CRMH					CRH				
				H02	H04	H07	H15	H22	100T/E	200T/E	04E	07E	15E
Chụp hút hình vuông 	Gắn vào đầu ống để hút sương dầu hiệu quả.	10002631	3S-100	●	●				●	●	●		
		10002632	3S-125			●						●	
		10002633	3S-150				●						●
		10003699	3S-200					●					
Chụp hút hình tròn 		10002646	3R-100	●	●				●	●	●		
		10002647	3R-125			●						●	
		10002648	3R-150				●						●
		10003700	3R-200					●					
Co nối chữ Y 	Sử dụng khi cần hút từ 2 vị trí.	10002640	3Y-100	●	●				●	●	●		
		10002641	3Y-125			●						●	
		10002642	3Y-150				●						●
		10003701	3Y-200					●					
Co nối 	Gắn vào máy Mistresa hoặc máy gia công để nối ống.	10002643	3E-100	●	●				●	●	●		
		10002644	3E-125			●						●	
		10002645	3E-150				●						●
		10003703	3E-200					●					
Mặt bích 	Gắn vào máy gia công để nối ống.	10013028	3T-100C	●	●				●	●	●		
		10013029	3T-125F			●						●	
		10013030	3T-150F				●						●
		10013031	3T-200C					●					
Ống (đơn vị 1m)  Liên hệ nếu cần dài hơn 1m	Dùng trong trường hợp nước tưới nguội, ít dầu.	61600300	3DH-100P	●	●				●	●	●		
		61600305	3DH-125P			●						●	
		61600310	3DH-150P				●						●
		61600315	3DH-200P					●					
Ống chịu dầu (đơn vị 1m)  Liên hệ nếu cần dài hơn 1m	Dùng trong trường hợp dầu tưới nguội, nhiều dầu. Ống sẽ không bị cứng do ảnh hưởng của dầu.	61600320	3DHT-100P	●	●				●	●	●		
		61600325	3DHT-125P			●						●	
		61600330	3DHT-150P				●						●
		61600335	3DHT-200P					●					
Khớp nối 	Gắn khớp nối vào ống để hạn chế rò rỉ dầu.	63540017	3DC-100P	●	●				●	●	●		
		63540018	3DC-125P			●						●	
		63540019	3DC-150P				●						●
		63540020	3DC-200P					●					
Đai xiết ống 	Dùng để siết chặt và cố định ống.	92170083	3HB-100P	●	●				●	●	●		
		92170092	3HB-125P-1			●						●	
		92170085	3HB-150P				●						●
		92170086	3HB-200P					●					
Bộ tách phoi 	Dùng trong trường hợp có nhiều phoi.	10002623	3CS-100	●	●				●	●	●		
		10002624	3CS-125			●						●	
		10002625	3CS-150				●						●
Bộ lọc sau đa dụng 	Dùng trong trường hợp có nhiều sương dầu. Cần có bộ chuyển đổi để lắp đặt.	10003619	3AF-10A	●	●				●	●	●		
		10003606	3AF-20A			●						●	
		10003608	3AF-30A				●						●
Bộ lọc sau hiệu suất cao 	Dùng trong trường hợp có nhiều sương dầu hoặc khói dầu.Cần có bộ chuyển đổi để lắp đặt.	10007330	3AF-10E	●	●				●	●	●		
		10007331	3AF-20E			●						●	
		10007332	3AF-30E				●						●
		10007333	3AF-40E				●						●
		10007340	3AF-41E					●					

※1 Co nối đi kèm với gioăng. Mặt bích và bộ chuyển đổi B đi kèm với gioăng và bu lông. Màu sơn tiêu chuẩn là màu xanh. Vui lòng liên hệ nếu cần màu trắng.

※2 Vui lòng bôi keo dán hoặc gioăng lỏng vào giữa ống và khớp nối để tránh rò rỉ dầu.

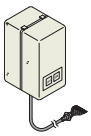
※3 Khi sử dụng bộ lọc sau kiểu 3AF, cần có bộ chuyển đổi AD. (Riêng 3AF-41E được lắp trực tiếp vào co nối cửa xả nên không cần bộ chuyển đổi AD.)

※4 Phần lõi lọc thay thế cho 3AF-40E và 3AF-41E là 3EF-40E. 3AF-40E có diện tích lọc lớn hơn và tuổi thọ dài hơn so với 3AF-30E.

※5 Không sử dụng riêng bộ lọc trong. Vui lòng sử dụng bộ lọc trong phù hợp với bộ lọc sau.
3IF-30A dùng cho 3AF-30A, 3IF-30C dùng cho 3AF-30E, 3IF-40S dùng cho 3AF-40E, và 3IF-40 dùng cho 3AF-41E.

※6 CRH-E sử dụng động cơ phòng nổ an toàn, nhưng công tắc không phải loại phòng nổ.
Ngoài ra, do kích thước bu lông của hộp đấu điện khác với hộp công tắc nên không sử dụng chung được.
Công tắc 3SW-020-S là loại dùng cho CRH nên không có dây cảm biến bảo vệ nhiệt.

BẢNG PHỤ KIỆN ("●" là ký hiệu phù hợp với máy)

Tên linh kiện	Mô tả công dụng	Mã số linh kiện	Mã linh kiện	CRM·CRMH					CRH				
				H02	H04	H07	H15	H22	100T/E	200T/E	04E	07E	15E
Bộ lọc trong 	Lắp vào bên trong bộ lọc sau, để kéo dài tuổi thọ bộ lọc sau.	10003677	3IF-10	●	●				●	●	●		
		10003678	3IF-20			●						●	
		10003679	3IF-30A				●						●
		10003680	3IF-30C				●						●
		10006560	3IF-40S				●						●
		10003681	3IF-40					●					
Bộ chuyển đổi A 	Bộ chuyển đổi dùng để lắp bộ lọc sau (trường hợp có co nối cửa xả.)	10002603	3AD-100	●	●				●	●	●		
		10002604	3AD-125			●						●	
		10002605	3AD-150				●						●
Bộ chuyển đổi B 	Bộ chuyển đổi dùng để lắp bộ lọc sau (không có co nối cửa xả.)	10012707	3AD-100V	●	●				–				
		10012708	3AD-125V			●							
		10012709	3AD-150V				●						
		10012710	3AD-200V					●					
Lõi lọc sau đa dụng 	Dùng để thay thế.	10003633	3FE-10A	●	●				●	●	●		
		10003635	3FE-20A			●						●	
		10003637	3FE-30A				●						●
Lõi lọc sau hiệu suất cao 	Dùng để thay thế.	10007336	3FE-10E	●	●				●	●	●		
		10007337	3FE-20E			●						●	
		10007338	3FE-30E				●						●
		10007339	3FE-40E				●	●					●
Lõi lọc thay thế bộ lọc trong 	Dùng để thay thế.	10003683	3IFK-10	●	●				●	●	●		
		10003684	3IFK-20			●						●	
		10003685	3IFK-30A				●						●
		10003686	3IFK-30C				●						●
		10006561	3IFK-40S				●						●
		10003687	3IFK-40					●					
Công tắc (kèm dây 3m) 	Công tắc chuyên dụng cho máy Mistresa, tích hợp cảm biến nhiệt để bảo vệ động cơ khỏi cháy hỏng.	10014347	3SW-020-S						●*6	●*6			
		10014348	3SW-020B-S	●									
		10014349	3SW-040-S		●						●*6		
		10014350	3SW-075-S			●						●*6	
		10014351	3SW-150-S				●						●*6
		10014352	3SW-220-S					●					
Tấm lắp công tắc 	Dùng khi cần lắp với bàn đặt máy.	10014353	3TS-2-S	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Bàn đặt máy 	Bàn chuyên dùng đặt máy Mistresa.	10002612	3BD-2	●	●	●			●	●	●	●	
		10002613	3BD-3				●	●					●
Bánh xe gắn bàn 	Bộ gồm 4 bánh.	10002943	3CK-50	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Bộ ống thoát nước φ15 	Dùng khi nối với ống thoát nước đường kính trong φ15mm.	10012751	3DC-15	●	●	●	●	●	–				

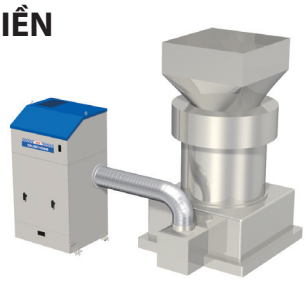

CFA-110


CFA-H215C/T
CFA-H220


CFA-H240


CFA-H410, CFA-H515

MÁY NGHIỀN



THIẾT BỊ SẢN XUẤT CHẤT BÁN DẪN



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

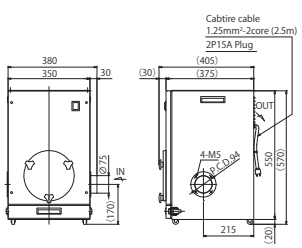
Mẫu	Động cơ điện (kW)-Cực (P)	Nguồn điện	Lưu lượng gió* (m^3/min)	Áp suất* 50Hz (kPa)	Diện tích lọc bụi (m^2)	Thể tích chứa bụi (ℓ)	Tiếng ồn Mặt chính diện:1m dB(A)*1 Mặt chính diện :1.5m dB(A)*2	Khối lượng khái quát (kg)
CFA-110	0.2–2	100V, một pha	4	0.8/1.18	0.8	3.1	64*1	25
CFA-H215C	0.4–2		5	1.76	1.5	6.9	64*1	47(50Hz) 44(60Hz)
CFA-H215T	0.4–2	200V, ba pha	5	1.86	1.5	6.9	64*1	49(50Hz) 47(60Hz)
CFA-H220	0.75–2		8	2.15	2	6.9	65*1	59
CFA-H240	1.5–2		16	2.45	4	16.9	68*1	135
CFA-H410	2.2–2		30	2.45	10.6	45	64*1	197
CFA-H515	3.7–2		40	2.45	14.1	68	67*1	238

*Lưu lượng gió cùng với áp suất là thông số kỹ thuật tiêu chuẩn.
Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

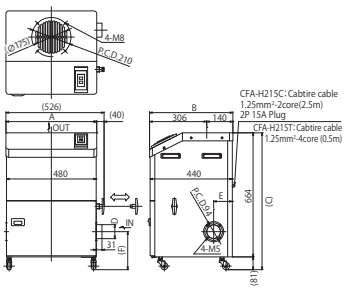
Mẫu	Kích thước (mm)							
	A	B	C	D	E	F	G	H
CFA-H215	486	446	745	75	100	216	-	-
CFA-H220	486	446	745	97	100	211	-	-
CFA-H410	786	680	1462	198	205	740	42	780
CFA-H515	876	750	1612	225	220	750	42	870

BẢN VẼ KÍCH THƯỚC

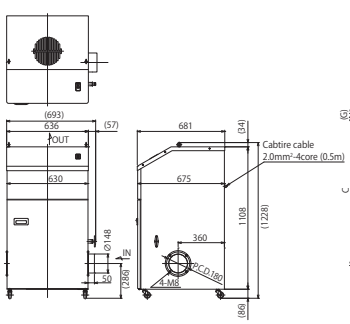
CFA-110



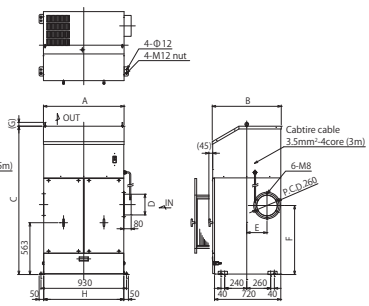
CFA-H215C/T
CFA-H220



CFA-H240



CFA-H410
CFA-H515





ĐƯA VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU VÀO MÁY



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

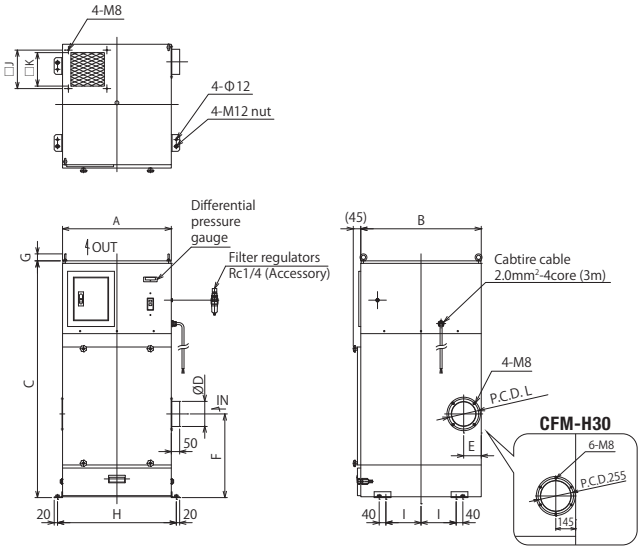
Mẫu	Động cơ điện (kW)-Cực (P)	Nguồn điện	Lưu lượng gió* (m^3/min)	Áp suất* 50Hz (kPa)	Diện tích lọc bụi (m^2)	Lưu lượng theo thể tích (ℓ/min)	Thể tích chứa bụi (ℓ)	Tiếng ồn Mặt chính diện:1m dB(A)*1 Mặt chính diện :1.5m dB(A)*2	Khối lượng khái quát (kg)
CFM-H10	1.5–2	200V, ba pha	20	2.06	10.4	40	29	62	180
CFM-H20	2.2–2		30	2.45	15.6	50	42	68	222
CFM-H30	3.7–2		40	2.45	23.4	60	32×2	68	286
CFM-H40	5.5–2		60	2.65	31.2	80	65×2	71	408

Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

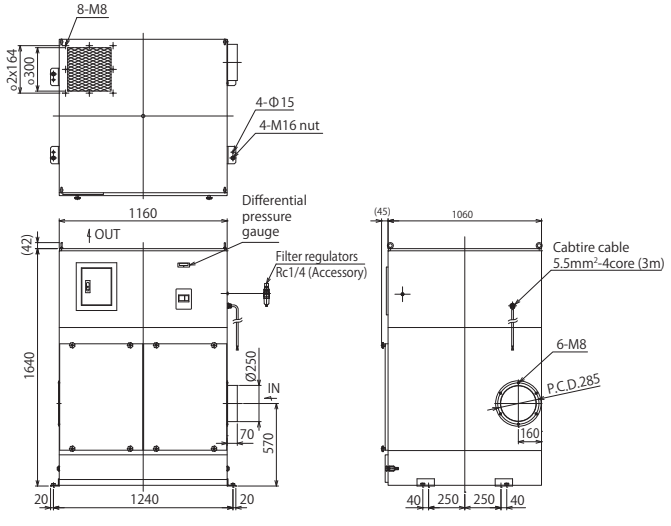
BẢN VẼ KÍCH THƯỚC

Mẫu	Kích thước (mm)											
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
CFM-H10	650	720	1415	150	105	500	42	710	210	230	200	180
CFM-H20	870	720	1410	200	130	500	42	930	210	255	225	230
CFM-H30	870	1000	1495	225	145	500	42	930	250	280	250	-

CFM-H10
CFM-H20
CFM-H30



CFM-H40



VÍ DỤ SỬ DỤNG

XỊT KHÍ, DỤNG CỤ CẦM TAY, ĐÁNH BÓNG



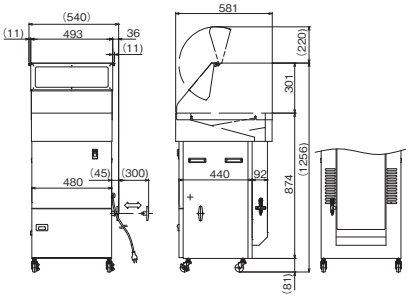
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Loại	Mẫu	Động cơ điện (kW)-Cực (P)	Nguồn điện	Tần số (Hz)	Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Tốc độ gió (m/s)	Diện tích lọc bụi (m^2)	Thể tích chứa bụi (ℓ)	Tiếng ồn Mặt chính diện 1.0 m dB (A)	Khối lượng khái quát (kg)
Dáng đứng (*2)	WRM-04H (Tiêu chuẩn)	0.4-2	100V· Một pha	50/60	—	1.2	1.5	6.7	74	70/68
	WRM-04S (Phòng tia lửa)									72/70
	WRM-04B (Phòng cháy nổ đơn giản)									74/72
Bàn ngồi	WRM-H04S-D	0.4-2	100V· Một pha	50/60	7.5	4.4(*1)	1.5	6.9	68.5(*1)	Bàn:66 Bộ hút bụi:51

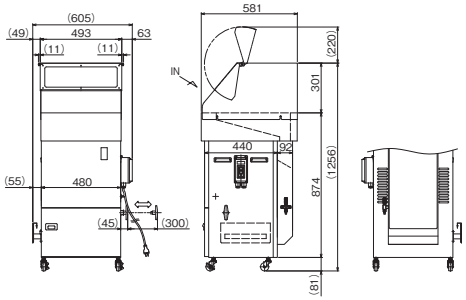
※Hãy liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin kỹ thuật đặc biệt như: công tắc chân, các loại phích cắm, chống cháy nổ.
*1 Giá trị trên phụ thuộc vào kích thước mở của bàn làm việc.
*2 Không thể sản xuất kết hợp kỹ thuật "phòng tia lửa + phòng cháy nổ đơn giản

BẢN VẼ KÍCH THƯỚC

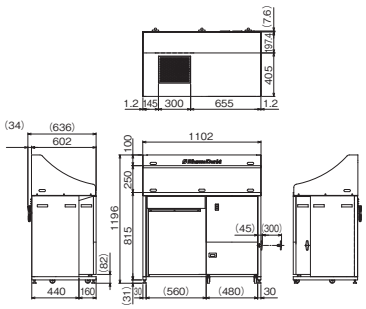
WRM-04H
WRM-04S



WRM-04B



WRM-H04S-D



Fumeresa MÁY THU GOM KHÓI DÙNG CHO KHẮC LASER



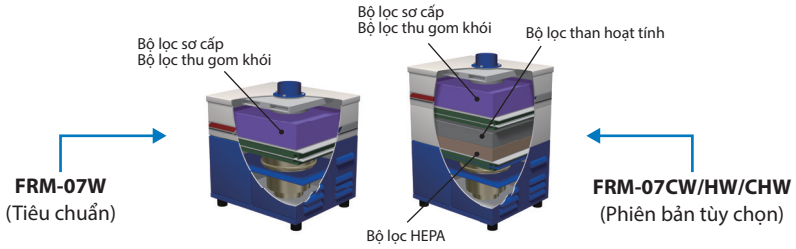
MÁY HÚT KHÓI FUMERESA LOẠI NHỎ Thu gom khói phát sinh trong quá trình khắc laser.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mã máy	Loại lọc	Nguồn điện	Công suất (W)	50/60Hz		Nhiệt độ không khí hút vào tối đa (℃)	Mặt bích đầu hút (mm)	Kích thước (mm)			Khối lượng (kg)
				Lưu lượng gió tối đa (m3/min)	Áp suất tối đa (kPa)			Rộng	Dài	Cao	
FRM-07W <Tiêu chuẩn>	Tiêu chuẩn (Bộ lọc sơ cấp + Bộ lọc thu khói)	220V Một pha	980	2.5	17.5	40	Φ63	334	300	353	12
FRM-07CW <Tùy chọn 1>	Tiêu chuẩn + Bộ lọc than hoạt tính	220V Một pha	980	2.5	17.5	40	Φ63	334	300	485	16
FRM-07HW <Tùy chọn 2>	Tiêu chuẩn + Bộ lọc HEPA	220V Một pha	980	2.5	17.5	40	Φ63	334	300	485	15
FRM-07CHW <Tùy chọn 3>	Tiêu chuẩn + Bộ lọc than hoạt tính + Bộ lọc HEPA	220V Một pha	980	2.5	17.5	40	Φ63	334	300	485	16

DANH SÁCH BỘ PHẬN TIÊU HAO

Loại tương thích	Kiểu máy tương thích	Số lượng
Lọc tiêu chuẩn	3FRF-07-12	1
Bộ lọc than hoạt tính	3FRF-07-03	1
Bộ lọc HEPA	3FRF-07-04	1



Fumeresa MÁY THU GOM KHÓI HÀN



MÁY HÚT KHÓI HÀN FUMERESA Thu gom khói phát sinh trong quá trình hàn.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mã máy	Công suất (kW-P)	Nguồn điện *1	Lưu lượng gió tối đa (m3/min)	Tốc độ gió hút vào (m/s)	Độ ồn(dB(A))*2 50/60Hz	Khối lượng (kg)	Lọc
FRM-H15B	1.5kW-2P	Ba pha 50/60Hz 50Hz：200V 60Hz：200V/220V	30	17	79	376	Bao gồm 2 lõi lọc đúc bằng cellulose

*1 Có thể thay đổi sang điện áp khác, tối đa 480V50/60Hz.
*2 Đo ở khoảng cách 1m tính từ thiết bị.

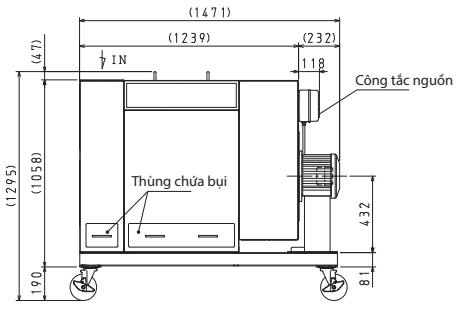
DANH SÁCH BỘ PHẬN TIÊU HAO

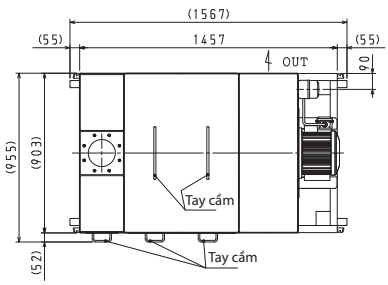
Loại tương thích	Kiểu máy tương thích	Số lượng
Ống hút khí	3FRD-H15B	1
Lọc *1	3FRF-H15B	Bộ gồm 2 cái

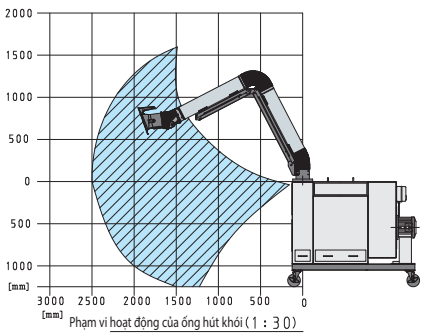
*1 Khoảng thời gian khuyến nghị thay bộ lọc là 6 tháng đến 1năm.
Thời điểm thay thế có thể thay đổi tùy theo điều kiện sử dụng của khách hàng.



BẢN VẼ KÍCH THƯỚC





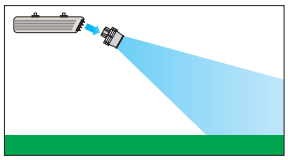


Windracer

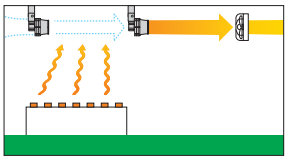
WR-100W
WR-200W



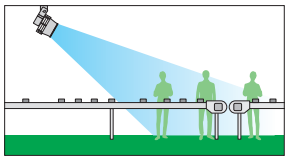
Điều hòa không khí



Chuyển động hút khí nóng và hơi nước

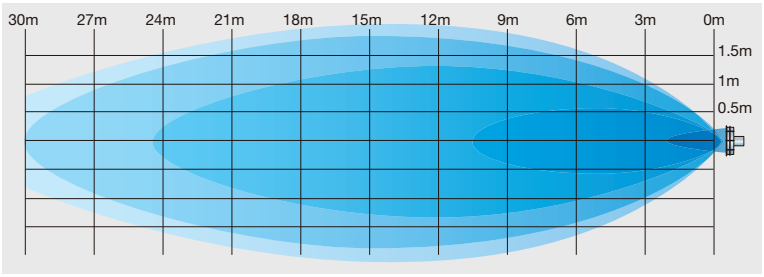


Cung cấp không khí cục bộ



MỤC ĐÍCH

1. Cải thiện hiệu quả điều hòa không khí và sưởi ấm
2. Chuyển động hút khí nóng và hơi nước
3. Cung cấp không khí cục bộ



※Hiệu quả máy sẽ thay đổi tùy vào vị trí lắp đặt và môi trường xung quanh.
※Kết quả trên là máy hoạt động ở 50Hz. Ở 60Hz tốc độ gió tăng 5~10%.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mẫu	Pha	Công suất (kW)	Tần số (Hz)	Điện áp (V)	Dòng điện định mức (A)	Tiếng ồn (dB(A))	Góc thổi (°)	Khối lượng (kg)
WR-200W	Một pha	0.2	50	220 Với phích cắm	2.2	66	35	17

Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

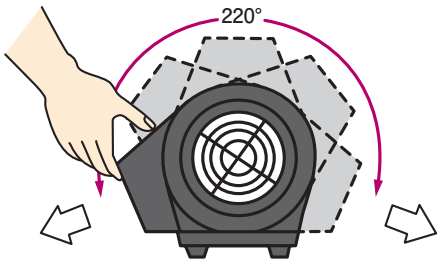
WINDBAG™

WB-02T



ĐẶC TRƯNG

1. Nguồn gió mạnh
2. Góc xả rộng
3. An toàn
4. Nhỏ và nhẹ



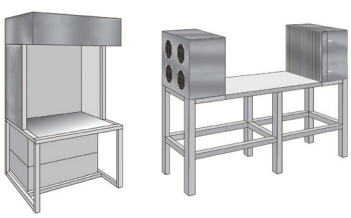
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mẫu	Nguồn điện	Công suất (kW)	Tần số (Hz)	Cường độ dòng điện (A)	Lưu lượng gió tối đa (m^3/min)	Khối lượng (kg)	Chiều dài dây (m)
WB-02T	220V Một pha	0.2	50	1.0	8.5	10	7

Tuỳ theo yêu cầu của khách hàng mà có thể thay đổi điện áp...khi sản xuất

Ventiresa

HỆ THỐNG THÔNG GIÓ LOẠI HÚT ĐẨY.



Bạn có đang kiểm tra rủi ro các chất hoá học không ?

SDG sẽ cùng trao đổi tư vấn về vấn đề cài đặt.

Hãy liên lạc với chúng tôi để biết thêm chi tiết.

GIỚI THIỆU TRANG WEB

TRANG CHỦ VỀ SẢN PHẨM

TRANG CHỦ VỀ CÔNG TY

"LEOS" (Little bit Engineering of SDG)

Giới thiệu các ví dụ cải thiện môi trường làm việc

DANH SÁCH NHÀ PHÂN PHỐI Ở NƯỚC NGOÀI

Có thể xem thông tin đại lý ở nước ngoài tại đây.

VIDEO YOUTUBE GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

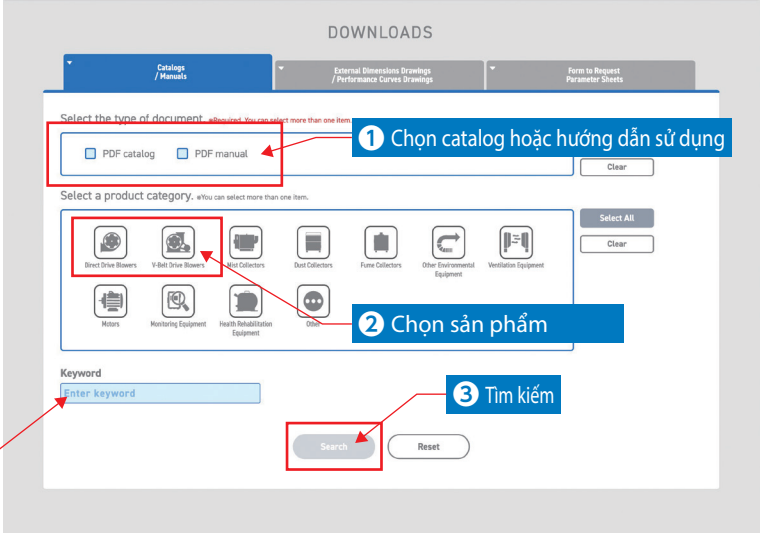
Có các video giới thiệu sản phẩm và mô phỏng Windracer.

YouTube

TẢI CATALOG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

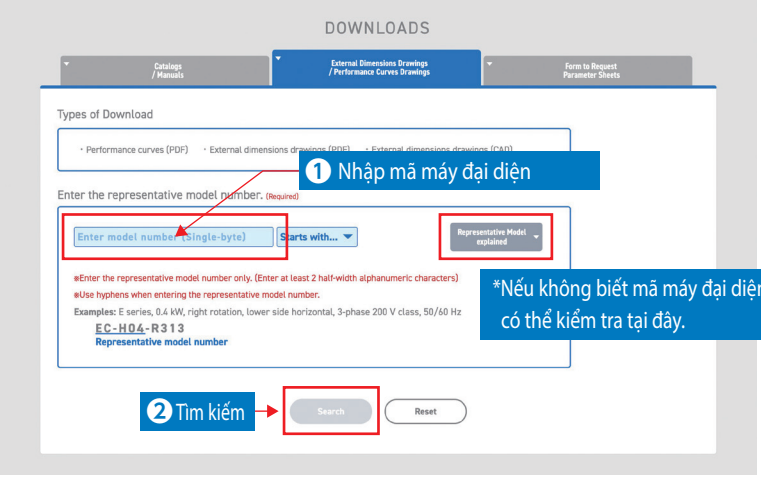
PHƯƠNG PHÁP TÌM KIẾM

Nếu không biết sản phẩm cần tìm, hãy nhập mã máy đại diện.
Ví dụ: CRM-H04F



TẢI CATALOG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

PHƯƠNG PHÁP TÌM KIẾM



SDG

SDG Co., Ltd.

Office Location

Japan Head Office (Oversea Sales Engineering Dept.)

TEL : (+81)-72-871-1511

E-mail : web-info@sdg-ing.com

Web site: https://www.sdg-eng.com/en

Liên hệ